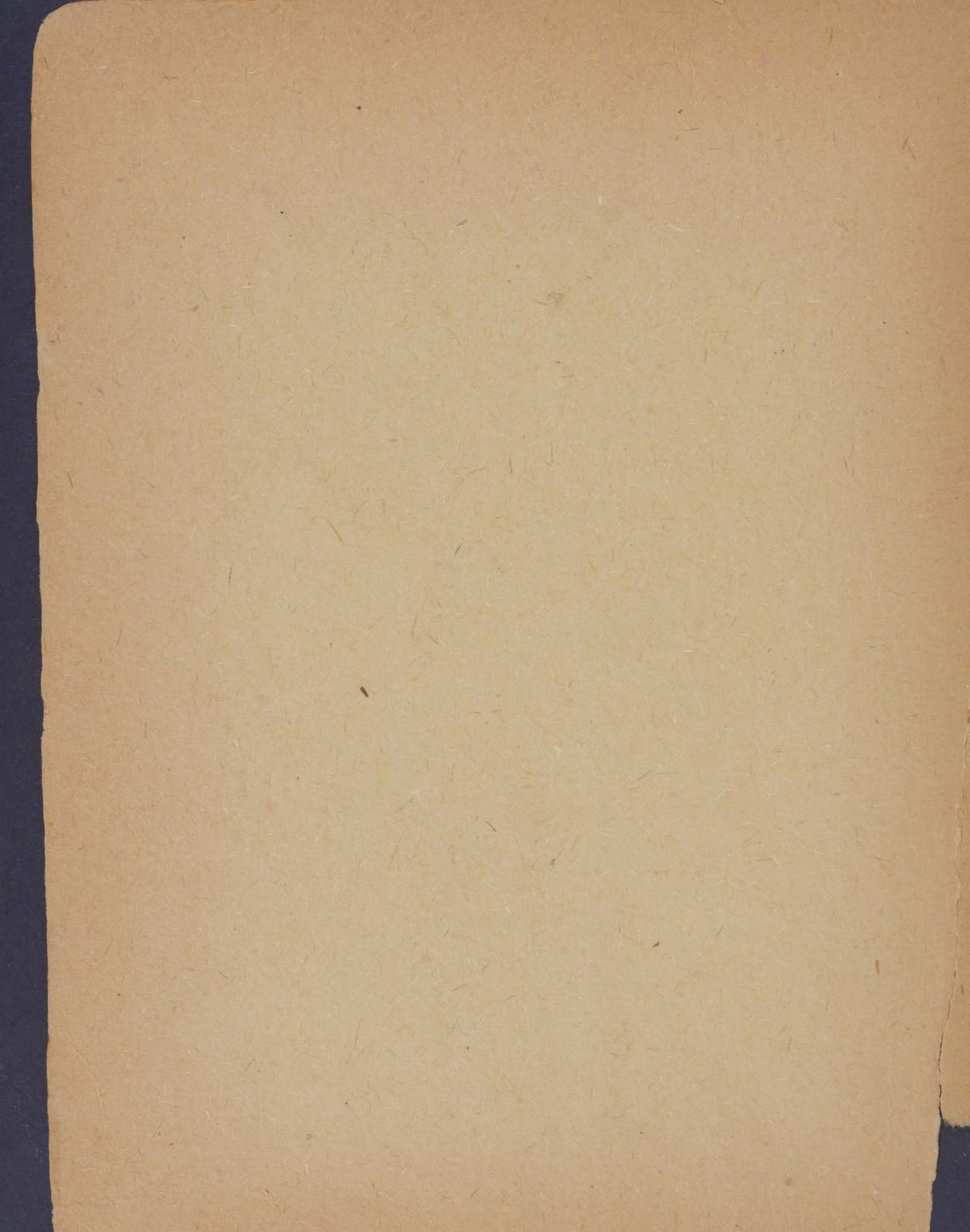
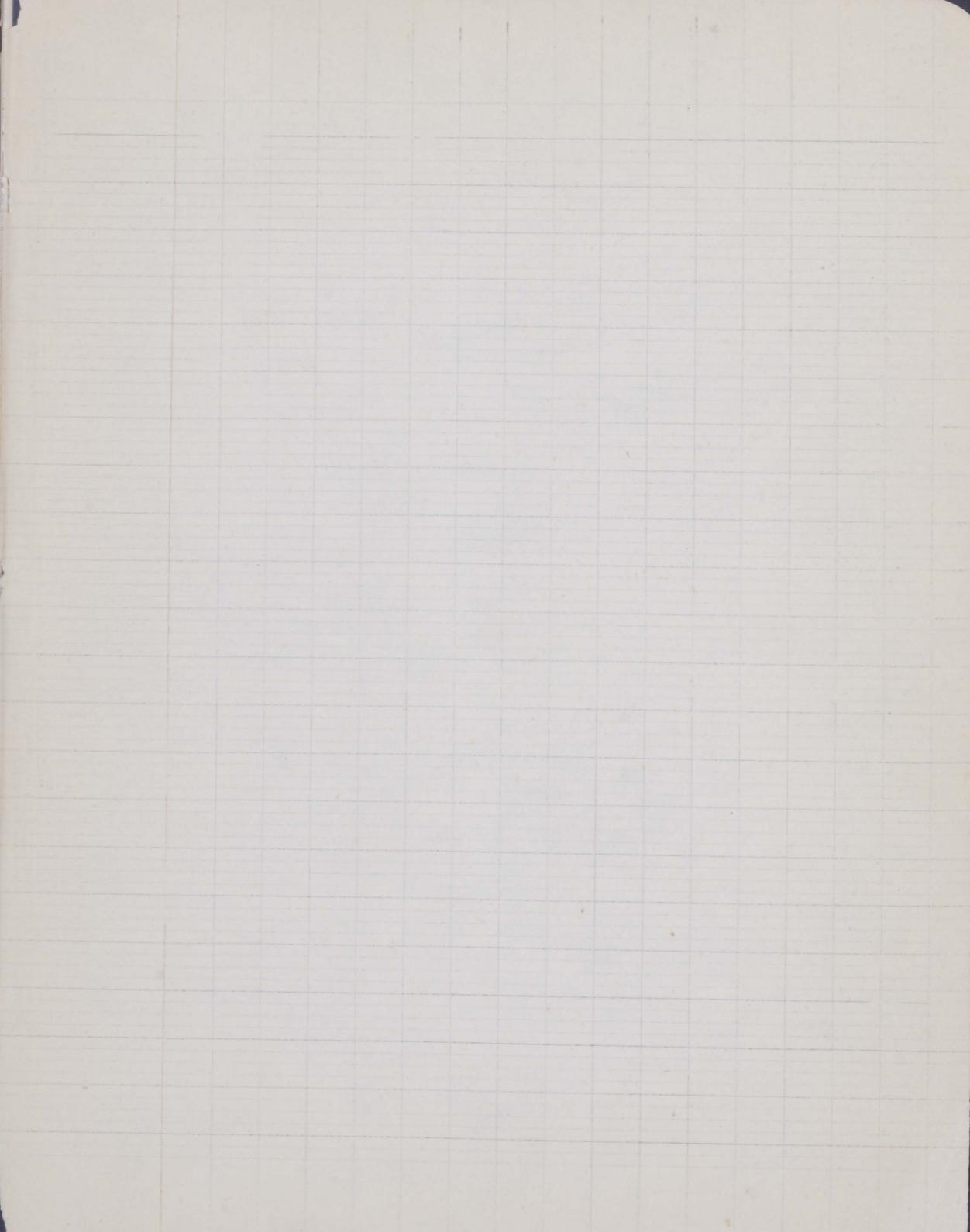


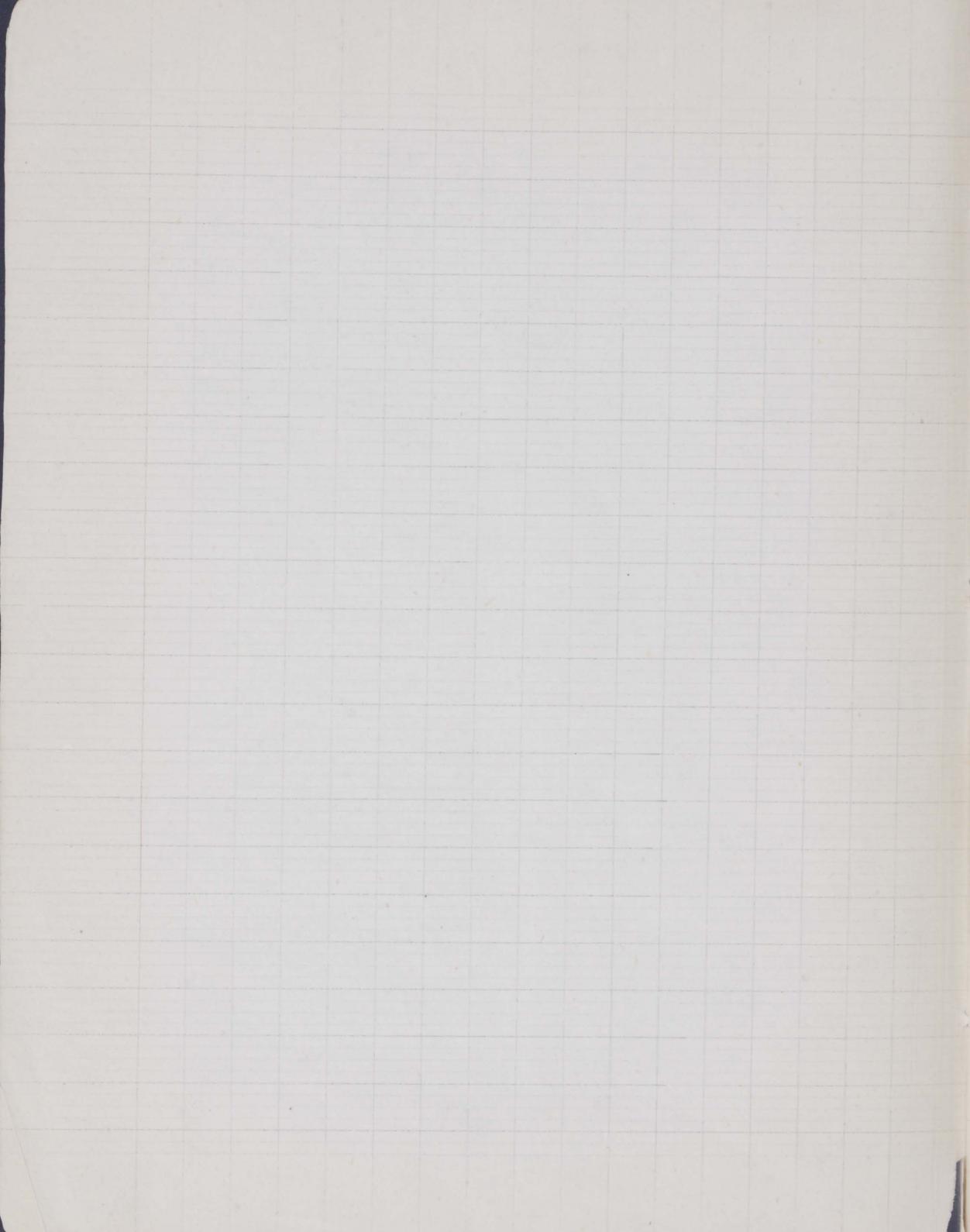
Copie de AB. 309

白雲詩集

XXV







Do Quán Ven Đường mượn từ Trường Đại Học Yale

12.

莫 大 正 六 年

Mac Dai-chinh lục niên.

乙 未 科 狀 元

乙-ви khoa Erang-nghien.

程 國 公 阮 東 謙

Trinh Quoc cung Nguyen-binh-Khiem.

撰

soan

白 雲 詩 集

Bach-van thi tap.

一 百 首

Nhat bach thu.

內 用 國 音 有 長 短 格

Noi dung quoc am hanh trang doan cach.

AB. 309

1535

白雲詩集

Bach vân thi tập.

其一

Ký nhâk

恪	矧	時	戈	臘	戈
Lán ²	thán	ngay	qua	thang	qua
沒	番	春	細	沒	番
Mòt	phen	xuân	tí	mòt	phen
愛	憂	戔	戔	腋	印
Ái	uú	vāng	vac	giàng	in
名	利	凌	凌	躡	退
Danh	lì	láng	láng	gió	thoéi
案	冊	唉	群	案	冊
Án	sách	hay	cón	án	sách
涪	嫩	伴	貝	涪	嫩
Nuôc	nor	bán	või	nuôc	nor

其二

Ký nhì

XU^{1.8}

霸 整 篆 譚 来 台
 Giāu chīnh chēn khó lèi thāi

Tradut

運	轉	流	通	罰	貼	埃
Vận	chuyển	liu	thông	hái	cua	ai.
奉	怒	稽	欺	𠙴	罷	姞
Võng	nó	ghê	khi	lâm	bai	cáh.
秉	箕	固	睞	津	凡	砧
Chí	chia	có	thuở	luk	hon	gay.
坤	頑	買	惄	升	時	降
Khòn	ngوان	mói	biết	thăng	thi	giang.
瘦	惔	吊	咍	小	固	大
Dai	rát	não	hay	tiểu	có	dai
色	屈	包	餽	時	吏	憲
Dán	khuâi	bao	nhiều	thi	lai	tui.
道	咎	弄	弄	拯	兮	差
Đạo	giòi	lòng	lòng	chăng	hé	sai.

2a

其 三.
 Kỳ tam.

霸 巴 餌 譚 台 塉
 Giāu ba biau khó hái miêu.

XU^{1.9}

2B.

安	分	時	欣	渴	每	調
Yên	phân	thời	hân	khát	mỗi	diều
渴	旺	茶	梅	啼	兀	兀
Khát	uong	chá	mai	hái	ngô	ngô
猝	撲	軒	月	瀟	囂	囂
Sát	kết	hiên	nguyệt	gió	hiu	hiu
江	山	參	幅	界	幘	屮
Giang	sơn	tham	bíe	lá	tranh	vĩ
花	黠	蜀	勝	认	錦	統
Hoa	eo ²	tu	mua	ay	gấm	thêu
從	且	歎	号	南	剗	賦
Thong	tha	hòn	khuya	nâm	sóm	théc
閑	萬	色	隊	德	丕	堯
Muôn	vân	đa	đội	duc	giài	Nghiêu

其 四

Thị

霸	糲	肉舌	譙	糲	姜
Giàu	còn	thịt	kho	còn	rau
安	分	界	仙	路	沛
Yên	phân	lá	tien	lộ	phải

劇	咗	茶	椿	啼	𠵼	𠵼.
Sáng	wóng	ché	thóng	hói	ngóh	ngóh.
歌	琪	軒	月	𠵼	𠵼	𠵼.
Hòm	kē	hién	nguyét	to ²	lāu	lāu
拏	椿	酒	薑	巴	絶	闊.
Vun	thóng	tuí	cúc	ba	thâng	bé.
堵	侷	燄	茶	沒	姥	俟.
Đo ²	lia	hâm	ché	molt	mu	haū.

3a

其		五			
		Ký-	ngú̄.		
霸	𠂇	得	重	𠂇	𠂇.
Giáu	sang	nguïvī̄	trọng	kho'	ai
余	胞	悽	為	仇	nhō
May'	gia	yêu	uī	kē	nhang
睂	諱	啞	嘲	嘲	拱
Chuô	kho'	daū	chaō	chaō	lanḡ.
欺	霸	極	晦	晦	時
Khi'	giáu	chāng	hôī	hôī	quen̄.
悄	嫌	間	掃	調	𠂇.
Quon	hiém	gian	giú	tiêu	ban̄.

Trad.

38.

朗	矯	鄰	羅	娑	播	綿
Láng	keo	lân	la	nô̄i	vô̄	min
道	怒	義	尼	霖	哨	.
Đạo	nô	nghĩa	nay	trâm	tiêng	.
贍	催	請	請	吏	銅	錢
Nghé	thôi	thỉnh	thỉnh	lai	dông	tien

其 六

Ký lục

榮	辱	巴	番	罕	𠂇	曾
Vinh	nhục	ba	phen	hán	dā	tung
懨	得	事	世	凌	凌	.
Long	nguội	sự	thé	làng	làng	.
嘴	辰	誠	午	吱	誠	痺
Khen	thoi	nén	ngù	chè	nén	dai
跌	凶	拯	歐	特	拯	幘
Mål	äl	chång	âu	duïc	chång	mång
固	埃	惻	特	惡	知	已
Có	ai	biel	duïc	long	trí	ký
位	位	嫩	高	月	沒	暉
Voi	voi	non	cao	nguyệt	mò	vâng

其 七
Sky-thâi.

岱	岱	春	擰	女	仙
Vai	vai'	xuan	xanh	nui'	tiem.
霸	強	跔	諱	強	紓.
Giáu	cang	khoé	kho'	cang	bén.
隊	番	杳	櫛	為	疎.
Dai	phen	lan'	quaih	ui-	tho
每	事	羅	陀	𠙴	惆.
Moi	sue	la	da-	bui'	nuoc
時	演	解	煩	棋	汰
Ngay	dien	giai'	phiem	cot	cuoc.
脣	清	𠂇	伴	冊	台二
Dem	thanh	lam	ban	sach	ben.
所	尾	出	處	兜	罟.
Phua	noi'	xuat	xu'	dau	la-
牋	必	械	躡	拱	凶
Do'	al	nem	ve-	cung	al
					nem.

其 八
Sky-lai.

覽	啖	青	雲	趾	礮	壇	traduct
Chay	dam	thanh	vân	buié	ngai	chen.	
特	閒	些	舍	養	身	閒	.
Điéc	nhan	ta	xa	duêng	thân	nhan.	
巴	間	庵	館	愚	恒	恠	.
Ba	gian	am	quán	lung	hang	mén.	
隊	准	山	河	桶	屯	梢	.
Đoi	chon	sòn	ha	mäl	da	guen.	
清	永	趣	圭	油	包	那	.
Chanh	vang	thú	quê	du	ba	na.	
興	鋟	啞	世	默	吱	嘴	.
Dür	lanh	miêng	the	mäc	chê	khen.	
梅	箕	諸	易	秋	誠	閻	.
Mai	kia	chuia	de	thu	nén	muon.	
春	怒	唔	花	拱	余	番	.
Xuan	no	tin	hoa	cung	may	phen.	

其九.

Idy- cùu.

命	釐	丕	嵒	沛	求	traduct
Méinh	so	giòi	hai	phai	cuu	

隊	時	趨	壯	默	些	油.
Dai	thi	trí	tráng	mát	ta	dầu.
箕	埃及	隘	北	膝	扱	印.
Khí	ai	ài	bắc	king	deo	án.
怒	客	外	東	柄	撫	勾.
No	khách	ngoài	đông	tay	du	câu.
累	盜	功	名	侈	沛	累.
Chuỗ	áng	công	danh	ti	phải	luy.
艸	坭	隱	逸	買	械	牟.
Eung	nói	ẩn	dài	mời	nén	máu.
𠂇	尼	盈	滿	畀	尼	損.
Chúa	nói	danh	mãnh	là	nói	lòn.
唉	贖	朱	台	買	矯	歐.
Hay	ngày nhiều	cho	hay	mời	keo	au.

58.

其 十
Ky - thập.

惻	道	時	公	垂	固	私.
Biết	dao	thời	công	giữ	cố	tự.
𠂇	尼	出	處	贖	朱	哈.
Chúa	ní	xuất	xứ	ngàn	cho	hay.

瓢	箕	山	珥	帛	埃	負.
Bầu	kia	sơn	nhe	não	ai'	phu.
筆	玉	堂	青	和	仇	咍.
Bút	ngoc	dương	thanh	hoa	ke'	hay.
釐	世	彭	得	瘦	呂.	
ø'	thé	nhiều	người	dai	lō.	
𠙴	𦨇	今	仇	坤	宜正.	
Lâm	giai	mál	ke'	khôn	ngay.	
仍	仍	每	事	它	逃	鶴.
Nhưng	nhưng	mỗi	sự	đá	ngoài	hél.
閒	沒	暎	異	仙	沒	暎.
Nhàn	mò	ngay	là	tiên	mò	ngay.

6a

十 一

Chap nhâl.

脣	莽	它	戈	暎	屯	束.
Cháng	mảng	đá	qua	ngay	đai	wéi.
咍	安	𠮩	分	買	械	惱.
Hay	yên	thuở	phan	mói	nên	nu.
脣	花	戾	勳	庵	諸	佛.
Bóng	hoa	le	đong	am	chui	Phál.

Traduct

栏	竹	群	鮮	炮	買	畧
Máng	trúc	còn	tuici	bép	máe	sai.
會	盞	功	名	夥	安	志
Hội	áng	công	danh	nhiều	thoá	chi.
趣	閒	山	野	余	咍	味
Chí	nhan	sơn	dā	mái	hay	mui.
以	得	簪	覓	才	腐	忌
Lâm	nguội	chó	thay	taī	mā	cây.
固	銳	包	餽	吏	固	頤
Có	nhuệ	bāo	nhiều	laī	có	đại.

十 二

Chập nhāi.

破	艱	危	屯	余	番	Traduit
Crá̄i	gian	nguy	dā	mái	phen.	
身	閒	福	吏	特	蹠	間.
Chân	nhan	phúc	laī	duoc	vē	nhan.
念	智	忠	愛	誓	庄	負.
Niệm	xia	trung	ái	thê	chang	phi.
景	霸	田	園	趣	屯	惆.
Cảnh	cù	diên	viên	thú	dā	quen.

巴	卷	圖	書	收	礪	櫛.
Ba	quyen	đo	thue	nuong	tui	.
汎	船	風	月	翥	浩	抒.
Mot	thuyen	phong	nguyet	chua	dai	then.
𠂇	拱	惻	坭	令善	與	.
Guic	cung	bie	nui	lanh	du	.
禍	福	庄	容	丐	遷	檀.
Hoac, phu	chang	dung	cai	toc	chen	.

十 三

Chap tam.

Traduit

特	輸	覽	屯	已	夥	番.
Daoc	thua	thay	ta	al	nhiem	phen.
底	汜	功	名	树	拟	閒.
De	dai	cung	danh	dai	lai	nhan.
庵	白	雲	未	閒	興	.
Am	Bach	vân	roi	nhan	hung	.
埃	紅	塵	永	矯	檀	.
Dam	hong	tran	vang	ngau	chen	.
時	近	合	福	花	𠂇	客.
Ngay	chay	hop	mai	hoa	lam	khach.

𦨇	永	咍	懸	月	𠵼	畷.
Dêm	vâng	hay	long	nguyêk	aî	dèn.
渚	渚	榦	於	自然	mái	惻.
Chó	chó	thô-	o	nhin	mic	biel.
覩	時	輪	覩	墨	時	顛.
Do'	thuî	son	do'	nic	thuî	dèn.

78.

	十	四		
	Chap	tuî		français
學	𠂔	辰	添	才.
Hoc	il	thi-	them	tai-
穀	麌	隗	貟	穉.
Gia	ma	luong	phu	con
君	親	嚮	鶴	榦.
Quân	thân	the-	惠	沒.
出	處	求	道	môl.
Xuâi	xui	cäu	諸	特
福		拏	道	台.
Mông	phuc	run	橈	hai.
門	峯	午	停	矯.
Cua	rho	ugo'	矯	拏.
			沛	棋.
			hai	cai.

XLII, 18

安 隊 分 油 有 在.
 Yen dæi phân dùi yu ương tui tai.
 善 與 嘴 吻 拱 默 埃.
 Ngan vui mui binh cung mat ae.

8a

十五.

Chap ngũ.

traduit
—

惱	時	丙	僂	盜	刀	兵.
Buồn	thời	bing	thai	dám	dao	binh.
安	分	時	僂	盜	沒	駁.
Yen	phân	thoi	lanh	z'	nál	mình.
義	奇	隣	精	碎	主	囊.
Nghia	ca	luong	quén	tòi	chuá	cú.
譬	智	女	負	活	嫩	掌.
Bi	xia	nô	phu	nuoc	nor	xanh.
未	閒	時	忍	儂	無	事.
Roi	nham	thoi	nhón	tién	uo	su.
吟	嘆	朱	誠	景	有	情.
Ngam	nghi	cho	nén	cánh	huü	tinh.
台	字	滿	盈	尼	可	禁.
Tai	chü	män	danh	nay	khai	ngäm.

XU, min 23

余 得 論 特 引 身 名.
Máy nguyêñ tron duoc chui thân danh.

8B.

十 六
Chap luc.

franklin

穢	它	外	參	進	穢
Cuối	đá	ngoại	tham	muối	giá
卒	卒	貼	平	膝	馭
Thun	thuỷ	xem	bằng	bong	qua
梅	鉤	冷	悄	夥	脣
Mai	bac	lanh	quen	nhiều	tháng
菊	鑄	添	樹	余	番
Cúc	vâng	thêm	dài	máy	phen
霸	固	分	界	恩	主
Giảm	có	phan	là	on	chua
特	𠂇	得	罰	德	咤
Đuoc	lâm	nguyêñ	bó	duc	cha
庵	館	導	閑	末	每
Am	quán	ngay	nhan	rồi	việc
油	些	自	在	黙	油
Du	ta	tu	tai	mạc	些

9a

十 七

Chap thail

hadent

鞋	色	塊	盞	功	名.
Gia	da	khoi	dam	cung	danh.
自	在	帛	歐	累	俎
Eu	tai	nao	au	bu	den
閑	特	趣	主	油	包
Nhan	duoc	thui	que	du	ba
恊	貼	世	事	炳	那
Nghi~	xem	the	sue	bieng	na~.
林	湖	船	漫	花	梅
Lam	ho	thuyen	nai	hoa	mai
隘	北	琴	控	月	暉
Oi	bac	cam	xuong	nguyet	vang
埃	晦	亾	之	恆	女.
Ou	hui	lam	chi	uu	nuia~.
蹠	娘	汎	事	亾	善.
Chua	rang	mok	sue	lam	lanh

9a

十 八

Chap bai.

沒	瓢	沒	鉢	凭	山	增
Mò	bāo	mò	bát	rèng	sơn	tăng
世	事	逃	聰	炳	呐	能
Thế	sự	trốn	tai	béng	nói	năng
花	安	庵	台	信	遁	.
Hoa	nă̄	luông	thay	tin	gió̄	.
潭	清	群	覽	糊	腋	.
Tâ̄n	thanh	côn	thay	bâng	giă̄ng	.
靴	埃	鳩	橋	𠂇	檜	.
Gia	ái	ū	thông	lâm	cùi	.
難	得	快	竹	朶	桔	.
Điề̄	người	gà̄u	trúc	moc	mâ̄ng	.
囉	固	功	名	時	固	累
Nếu	cô̄	công	danh	thời	cô̄	luy
朱	哈	油	同	極	朋	庄
Chó	hay	dū	cô̄	chẳng	bâng	chang

十 九
Chap cùi.

耕	達	掬	月	梗	煙	霞
Cây	mây	cuvé̄c	nguyệt	ganh	yên	há̄

胶 /

帛	貼	帛	庄	沛	貼	些.
Nào	cuả	não	chảng	phải	cuả	ta.
晤	盞	膝	貼	鼙	竹	.
Dém	áng	<u>bưng</u> ^{trắng}	xem	bong	trúc	.
晤	條	邇	退	信	花	.
Ngay	chò	gio'	thoái	tin	hoa.	
僨	机	盈	滿	朱	台	渚.
Chay	cô	danh	mǎn	cho	hay	chò.
沛	道	中	常	余	固	戈.
Phai	lao	trung	thường	máy	có	qua.
喟	祉	聖	經	尼	𠵼	學.
Dau	lai'	thánh	kinh	nay	thu้า	hoc.
誓	蒸	出	處	道	榦	咤.
Đhe	chuồng	xuál	xué	dao	tho-	cha.

108

二. 十

Nhi' tháp.

鼠	銳?	包	餽	吏	固	顏.
Niu	nhue?	baó	nhiêu	lai'	có	đối.
晤	机	造	化	色	強	燭.
Dém	cô	tao -	hoa	da'	cang	sae.

為	名	朱	沛	名	山	累
Vi-	danh	cho	phai	danh	lam	luy.
特	道	辰	咍	道	固	味.
Đipec	dao	thi-	hay	dao	co	mui.
盈	功	名	貼	雉	乃	
Qing	công	danh	xem	trei	nai.	
尼	名	教	覽	嘴	惱	
Noi	danh	giao	thay	khen	vui.	
南	湖	固	客	青	船	惆
Nam	hoc	co	khach	thanh	thuyen	mon.
條	月	盼	清	戲	零	梅.
Cho	nguyet	dem	thanh	he	long	mai.

11a

	二	十	一	
	chi	thap	nhai.	
穢	耗	買	近	台.
Euoi	gia	moi	tam	hai.
每	貼	仍	仍	色
Moi	cua	nhung	nhung	逃
安	分	些	鬧	趣.
Yen	phan	ta	nhan	thui.

(XL1, page 31)

Graduit.

固	拥	得	重	少	才.
Có	dung	nghiep	trong	lam	tai.
鷗	kêu	hoa	dòng	thuỷ	春
Chim					muôn.
月	鉢	脂	清	興	魄.
Nguyệt	bæc	stem	thanh	hưng	khách
恩	主	色	躬	諸	報
Ôn	chuái	da'	nhiều	chưa	báo
惠	群	更	竟	凶	dai.
Long	còn	cánh	cánh	ál	đại.

118

	二	十	二	
	Nhi	thập	nhi	.
檜	路	鑽	梅	路
Cái	lộ	vang	mai	đen.
拥	它	默	貼	同
Dung	ta-	máć	cuả	nhiên.
燭	羌	竹	釐	饑
Soi	máng	trúc	thêm	hay
拉	襖	葛	蘇	thịt.
Sáp	ao	sô	to	้อน.

伴	周	鯈	魚心	油	特	趣.
Ban	có'	caí,	tòn	dú	đuíc	thúi.
剗	左	車	馭	墨	空	權.
Cùa	cháng	xé	nguia	bò?	khòng	quyền.
時	時	溝	酒	鬧	無	事.
Ngáy	ngáy	tiêu	sái	nhan	vô	su.
雖	渚	界	仙	汝	乙	仙.
Euy	chúa	lai	tiên	aj	il	tiên.

12a

	二	十	三	
係	祿	朝	官	固
Hē	loc	triều	quan	có
𠂊	之	貪	特	囉
Lam	chi	tham	duíc	bán
隘	秦	嫩	蜀	塘
Ōi	Eain,	non	Chuc	nghieu
剗	孔	廊	顏	曉
Cùa	Khòng,	lang	Nhan	道
冊	屨	巴	鋪	譚
Sách	cù̄	ba	pho	吏
			rối	讀
			lai	toc.

甜	鑽	台	餉	尉	辰	唼
Còn	vāng	hai	bua	đoé	thi	án
功	名	厓	坦	恩	群	轍
Công	danh	gāi	dǎn	ən	côn	ròng
寔	道	調	和	矯	詔	禎
Che	chô'	tiêu	hoa	keo	chiêu	chan

128.

	二	十	四	
	Nhi	thập	tứ	.
赭	疎	痺	雷	催
Gia	tho	dai	lôi	thoi
遷	沛	群	說	事
La	phai	côn	thuyết	說
嶢	險	畀	爲	哉
Nghiem	hiêm	la	ui	若
輝	巾	油	笠	穢
Kho	khain	du	ə'	至
永	催	塘	坤	却
Vâng	thoi	duong	lôi	杜
轍	狹	惠	khôn	do
Róng	hep	long	nhan	默
			njac	恆
			nghi?	ngoci

記	下	留	侯	辭	漢	祿.
Di-	ha	Liu -	hau	tu	Han	loc.
谷	城	惄	隱	赤	松	邈
Coc -	thanh	nau	ain	Kich -	Cung	choi ,

13a

	二	十	五.			
	Nhi	thap	ngu			
為	名	朱	沛	累	隊	番.
Vi-	danh	cho	phai	luy	dui	phen.
分	譚	巾	智	凶	屯	涓.
Phan	kho	khan	xua	il	da	quen.
剃	慢	𠂇	快	夥	客	重.
Cua	mam	nguoi	yeu	nhiem	khach	trong.
庵	花	埃	塉	袒	翁	閑.
Om	hoa	ai	ii	len	ong	nhan.
春	撑	坤	吏	恚	強	感.
Xuan	xanh	khon	lai	long	cang	cam -
塘	紫	它	戈	跣	砾	擅.
Duong	tia	da	qua	buc	ngai	chen.
愚	瘦	陳	陳	畀	性	鬚
Ngu,	dai'	tran	tran	la	tinh	cu

默 油 埃 拱 己 庄 顛
 Mac dūi aī cunḡ īl chānḡ den̄.

13 B.

		二	十	六	
		Nhị	thập	lục	
凶	庄	曾	負	祿	朝
chānḡ	tunḡ	phū	lôc	triêu	guan̄
吏	特	躡	閑	養	穢
Laī	duīc	uē̄	nhan̄	duīnḡ	tan̄
涪	雪	燄	茶	帶	火
Nuôc	tuyê̄l	ham̄	chē	duīc	bé̄p
筆	花	點	冊	達	案
Bil	hoa	diem̄	sach	trên	yên̄
狼	窻	時	惜	味	香
Nuong	sonḡ	ngaȳ	tiếc	muī	huóng
婆	戰	脂	謳	舉	桂
Noī	chen̄	dêm̄	âu	bonḡ	tan̄
鉏	淮	帛	惱	准	氏
Đen̄	choī	naō	xuī	chon̄	aȳ
油	些	自	在	固	埃
Dū-	ta	tuī	taī	cō	嘆
					than̄

	二	十	七	
	Nhi	thập	thẩy	
巴	花	主	特	福
Ba	đại	chúa	điều	phúc
恩	碾	諸	曾	報
En	nǎng	chùa	tung	báo
六	老	箕	埃	閑
Luc	lão	kích	ài	nhan
四	朋	怒	客	趙
Eú	bàng	nó	khách	dày
恆	清	永	它	lâm
Vui	thanh	vĩnh	da	rồi
疎	艰	難	買	việc
Eru	giản	nan	mua	bí
善	與	惠	眾	坤
Lanh	du	long	người	bí
籠	顛	簷	吟	於
Lung	den	chò	thò	ø

二
Nhi
十
thập
八
bát.

14B.

沒	机	快	辱	樹	吏	調
Mò	cơ	Yếu	nhục	trái	lai	tiêu
快	包	饒	時	辱	閑	饒
Yếu	bao	nhiều	thời	nhục	bãi	nhiều
貪	沛	盜	功	名	累	.
Tham	phải	đáy	công	danh	luy	.
閼	朱	溷	造	化	撩	.
Nuôn	cho	con	tao	hoá	trêu	.
惄	回	洛	社	南五	巴	客
Vui	vay	Lac	xa	năm	ba	khách
另	准	南	陽	釐	沒	療
Linh	chón	Nam	duyang	s'	mò	lei

15a.

二	十	九
Nhị	thập	ciử
得	興	時	些	免	固	錯
Nguội	hưng	thời	ta	miễn	có	lành
而	之	都	怛	辱	都	爭
Lâm	cho	do	đán	nhục	dua	tranh
剗	紅	蠶	因	為	永	.
Cua	uong	nhen	nhân	ui	vang	.

楂	脊	蝶	仄	黝	腥.
Ch楂	guyên	rúi	ái	bòi	tanh.
殼	客	春	擰	場	富
Nhiều	khách	xuân	xanh	tường	phú
余	得	頭	鉅	會	耆
Máy	người	dâu	bạc	hội	ky
屯	逃	每	役	庄	群
Đa^	ngoại	mỗi	viec	chẳng	còn
約	沒	醉	賢	主	聖
Uôc	một	tào	hiền	chuá	thanh
					mình.

三 十
Cam tháp.

曾	貼	冊	箋	沒	堆
Eung	xem	sách	cù	một	đôi
免	道	嚮	左	負	業
Mein	dao	thé	chẳng	phụ	nghiệp
窓	北	箕	埃	吟	熒
Song	bắc	kia	ai	ngâm	ve
樓	南	怒	客	噦	nguyệt.
Lâu	nam	no	khách	chen	vay
					thu.

諱	巾	買	捌	得	君	子.
Khó	khán	mái	bé̄l	nguivi	quán	té̄.
危	險	辰	哈	節	丈	夫.
Nguy	hiêm	thoī	hay	tiēl	trường	phu.
每	事	極	辟	默	纊	.
Mai	sự	chá̄ng	còn	máe	máy	.
買	咍	料	俸	沛	怙	.
Mái	hay	liêu	beung	pháī	lo	.

三	十	一
Cam	thập	nhiel

涪	嫩	弟	沛	貼	挨	兜
Nuôc	nor	não	pháī	cuâ̄	ai	dau.
穀	𠂇	公	私	拱	默	油.
Nhiêu	il	công	tu	cung	máe	daū.
諱	極	猪	江	空	極	累.
Khó	chá̄ng	giò	giang	không	cháng	būy.
特	庄	暴	幅	缺	庄	謔.
Duic	cháng	bāo	buc	má̄l	cháng	au.
英	雄	得	祉	才	𠂇	重.
Önh	hung	nguivi	laī	taī	lám	trong.

16a

XL1, page 25)

traduit

隱	逸	些	咍	趣	同	牟
Ein	daīk	ta	hay	thui'	có	mâū.
錦	氐	埃	扶	鑊	漢	.
Ngâm	aïj	ai'	phū	vae	Hán.	
桐	江	撫	沃	芹	勾	,
Dòng - giang	rui'	mù̄l	cân̄	câū		

Traduit

	三	十	二			
	Cam	thaīp	nhi'			
遷	屯	疎	巒	𠂇	瘌	.
Coc	dāv	thuá̄,	râng	dāv	mô̄n	.
役	如	屯	付	默	妯	毘.
Việc	nhāt	dāv	phó	má̄c	dâu,	con.
盤	棋	局	酉苗	回	花	竹.
Bân	cō,	cuôc	ruòu	raý	hoa	truć.
怖	檜	芹	勾	准	洛	嫩.
Bó	ciú̄,	cân̄	câū	chón̄	nuôc'	nor.
閑	特	趣	恆	咍	bao	那.
Nhân	duôc	thui'	ren̄	hay	naí.	
餉	麌	齒	波	渚	鮮	言.
Buă̄	nhiêu	muoī	bē'	chuā.	tǖc	ngon.

168.

矜	逝	時	咲	春	它	悶
Chin	mūi	thī-	kē'	xuān	tā-	mūon.
春	辰	戈	時	春	恰	群
Xuān	aīj	qua	thōī	xuān	kháč	cōn.

三 十 三
Sam Thập Tam

恠	庄	埃	禁	默	埃	拥
Lay	chāng	aī	cām	máč	aī	dung
係	貝古	自	然	辰	貼	終
Hēē	cuā	tú	nhién	aīj	cuā	chung
嫩	涪	固	味	懸	客	渚
Non	nuôc	có	mūi	long	kháé	chúá.
竹	梅	而	伴	興	詩	濃
Eric	maī	lám	ban̄	híung	thō	nōng
准	田	園	霸	油	從	且
Chón	diēn	vién	cū	dū	thong	thā.
道	聖	賢	碧	隴	祝	懮
Đao	thanh	hiēn	qua	luóng	chōc	mōng
双	日	渚	娘	色	悅	。
Song	niêl	chó̄	raing	dā	hō?	.

17a

到 兒 時 拱 同 春 風.
 Đến dâu thời cung có xuân phong.

	三	十	四	
諸	𠂔	𠂔	𠂔	迦.
Chùa	rēv	aī	lāi	Chich - Ca.
每	愴	人	我	時 戈.
Mai	niem̄	nhân	ugāv	nhân thoī qua.
惠	無	事	𦵹	活.
Long	vūo	sū	giāng	nuoc̄.
貼	倘	來	邇	花.
Cuā	thoảng	laī	giō	hoa.
著	客	春	撐	難.
Ký	khách	xuân	xanh	trī.
余	得	頭	鉤	穢.
May	người	dâū	bac̄	giā.
清	閒	氏	𠀧	仙 客.
Thanh	nhân	āī	ail̄	tiến khach̄.
特	趣	些	陀	趣.
Duoc̄	thuī	ta	dā	thuī ta.

178.

	三	十	五	朱	咍
	Cam	thập	ngũ.		
覽	坭	盈	戾	𠂇	咍.
Cháy	nôi	danh	le.	cho	咍.
貼	特	机	買	惻	咍.
Xem	duōc	cô	mái	beīl	咍.
景	固	浩	嫩	閒	趣.
Cảnh	có	nuôc	nor	nhān	趣.
興	爲	詩	醕	渚	咷.
Hưng	vī	tho,	ruôu	chua	咍.
拱	佛	鷗	鶩	曾	咍.
Cung	bâi	au,	lo	tung	咍.
塊	盞	功	名	吏	咍.
Khối	ang	công	danh	lai	咍.
疋	黓	進	弔	懸	咍.
Ba	bâi	muối	não	long	咍.
𠂇	得	簪	固	事	咍.
Lâm	nguôi	chó	có	sú	咍.
				chau	咍.

三 十 六
Cam thập lục.

韜	花	春	到	拱	潭	欹
Co'	hoa	xuân	dến	cung	dám	hám.
秋	悶	埃	咍	竹	固	蒼
Chu	muôn	ai	hay	trúc	cô	thòn.
餲	女	負	羨	蝦	祿	.
Chém	nô ²	phu	canh	cua	loc.	
冷	色	涓	搭	鳩	苦	.
Lanh	da [~]	quen	táp	o [~]	róm.	
貼	些	群	底	台	鋪	冊
Cuả	ta	còn	de [~]	hai	pho	sach.
恩	主	拯	梢	沒	餬	糲.
En	Chuá	cháng	quén	mò	bua	còn.
固	睞	違	樓	魅	恃	月.
Có	thuở	trên	lầu	ngòi	giải	nguyễn.
沒	駘	旺	吏	沒	駘	堪,
Mò	mình	uong	lai	mò	mình	kham.

拯	械	底	十	七	械	拥
Cháng	nèn	de [~]	thập	thất	nèn	dùng

恪	矧	翫	戈	隗	瘳	功
Lán'	thán'	ngāy	qua	luóng	nhōc	công.
君	子	買	咍	尼	出	處
Quân	tử	mái	hay	ní	xuá̄l	xé̄.
丈	夫	拱	固	志	英	雄
Eruóng	phu	cung	có	chi'	anh	hung.
人	才	而	重	犧	弔	塊
Nhân	taī	lám	trọng	đồi	não	khoái.
天	下	拯	私	貽古	欵	終
Ehién	ha	châng	tū	cuâ̄	aȳ	chung.
景	巖	劄	群	嶮	浩	霸
Cảnh	cû̄	vân̄	côn̄	non	nuôc̄	cû̄.
准	弔	羅	拯	淮	春	風
Chôn	náo	lá	châng	chôn̄	xuân	phong.

三	十	八	
Cam	thập	bát	.
疎	瘦	靷	唉
tho	daī	cû̄	aī
特	閑	時	羣
duoc̄	nhân	thōi	côn̄
嚙			deo.
Néú			霸
			nghéo.

19B.

渡	月	船	棋	台	罷	樣
Bến	nguyệt	thuyền	kép	hai	bại	mái.
庵	逮	剗	掛	沒	芹	標
Am	mày	cưa	kép	mòi	cẩn	tiêu.
鯰	魚心	歌	達	邊	箕	波
Cá	tòm	hòm	máic	ben	kia	ben.
檜	燭	燭	謨	賈	怒	岩
Cùi	dewc	ngay	mua	máu	no	deo.
客	鉏	晦	吊	双	曰	女.
Khách	dein	hói	náo	song	viết	nuă.
娘	群	沒	襍	詩	撩	,
Ráng	còn	mòi	tuí	tho	treo	.

	三	十	九		
	Sam	thập	cửu.		
與	善	哩	世	默	吱
Dũ	lành	niêng	thé	máć	chen.
穢	色	穢	辰	每	事
Eui	da	giá	thuỷ	moi	hén.
祿	石	呵	情	恩	主
Lộc	nang	khá	quên	on	chuá
					nang.

攢	𡇤	仍	𠂔	睞	功	𡇤
May	nén	nhưng	lè	thuở	công	nén.
作	朝	官	霸	咍	懸	𠂔.
Bác	triều	quan	củ	hay	long	il.
伴	士	圭	智	合	𠀧	涓.
Ban	sĩ	què	xia	hop	mål	quen.
榮	辱	沒	机	恒	拉	樹.
Vinh	nhục	mò	cô	hang	rax	doci.
凶	罪	曾	覓	沒	台	番.
xi	là	tung	tháy	mò	hai	phen.

四 十
Eú thấp.

20B.

係	貼	自	然	固	𠂔	𦵹
Hē	cua	tự	nhiên	có	il	nhiều
沒	庫	造	化	拱	放	調.
Mò	kho	tao	hoa	cung	chia	diêu.
香	浩	席	客	花	欺	用.
Huong	dai	tiết	khách	hoa	khi	dung.
興	記	墮	春	鳩	睞	噶.
Heing	dai	niết	xuân	chim	thuở	keu.

案	錯	拱	貼	疎	卷	冊
Qán	cù̄	cung	xem	mô̄l	quyen̄	sách
窓	疎	持	膩	漫	混	幕
Song	thua	nghī	nghiī	mol	con	lêu
嫩	撐	活	碧	碧	界	限
Non	xanh	nuēc	biēc	xia	lā	hen
錦	持	隊	欺	渚	閉	饑
Ngâm	nghī	daī	khi	chiā	baīj	nhiē̄u

四	十	一	。
Cú	thập	nhâ̄i	
賤	羣	渚	掩
Chiết	còn	chiā	beung
客	tay	抛	嵩
Khách	探	phao	tung
灶	晦	事	竹
Bếp	ham	suī	trúc
娘	燭	溜	芒
Muông	ham	saī	醜
莉	駕	vaī	茏
Cuā	永	車	空
	nguā	xe	橋
		không	妙
		quâ̄k	diē̄u

21 a

Tradukt

糲	食奴	魚心	鯈	矯	餌	嗜
Còn	no	tóm	cái	keo	thém	thuong.
山	僧	咷	容	咪	得	閉
Sơn	tăng	giêu	khách	xui	nguvé	baj.
初	月	鯨	鯨	龟	揃	鐘
Sơ	nguyệt	kênh	kênh	dāi	dong	chuông.

21B.

	四	十	二		
	Cú	thập	nhi		
罵	吱	𠂇	𠂇	些	𠂇
Mắng	chē	nguôi	vân	ta	daī.
油	劍	油	欣	默	埃
Dầu	kém	dū	hôn	máe	ai.
味	怒	固	裴	同	𠂇
Mùi	no	có	bê̄i	không	ngoh.
式	箕	迄	趨	吏	派
Chíc	kia	chaȳ	thám	laī	phaī.
油	咍	分	買	安	油
Dầu	hay	phan̄	míe	yên	phan̄.
囉	固	才	欣	瀦	悵
Dâu	có	taī	hôn	chó	taī.

Tranbit

君	子	吟	咍	尼	出	處
Quân	tử	ngâm	thay	nài	xuôi	xứ.
𠂔	罷	坤	觴	奇	和	台
qí	lai	khoa	hê	cá?	hoa	hai.

四 十 三

Đört Thập Tam.

仍	仍	每	事	擗	邊	迹
Nhưng	nhưng	mỗi	sự	gác	biên	ngoại.
油	特	油	輸	埃	默	埃.
đầu	đuộc	đui	thua	ai'	mạc	ai.
味	世	間	夥	曼	凜	.
mei	thế'	giān	nhiều	màn	nhal.	.
塘	名	利	固	終	苦	.
đèng	danh	lợi'	có	chung	gai.	.
余	得	富	貴	咍	安	分.
nguôi	nguội	phù	quí	hay	yên	phan.
係	仇	英	雄	仍	悵	才.
hé	ke'	anh	hùng	nhuêng	cay	tai.
油	覓	後	生	油	易	恃.
đầu	thay	hậu	sinh	du-	ri~	so.

22a

𦨇 箕 極 木 木 欣 聰,
Sùng kia cháng mộc mộc hin tai.

	四	十	四	
	bì	thập	tứ	
是	非	極	嘗	吱
Chí	phi	cháng	quán	che
愚	瘦	陳	陳	屯
Ngu	dai	trán	trán	ting
景	巒	田	園	尋
Cảnh	cù	dién	vień	tín
客	閑	山	野	養
Khách	nhan	sơn	da	duy
如	橋	塘	竹	恆
Nhà	thông	đuồng	trúc	hang
羈	慢	牆	桃	碍
Cua	mân	tường	đao	buôc
世	事	循	環	台
Chi	sự	tuân	hoàn	hay
曾	貼	輸	特	沒
Sùng	xem	thua	duoc	mò
				hai
				phen

		四	十	五	
莉	春	葉	遯	退	琴
Cuối	xuân	diệp	gió	dua	cán
味	細	台	牒	膝	掩
Mèi	tiế	hay	thuô	bong	em
穉	至	鑽	群	印	奉
Mái	giới	vang	côn	in	bóng
頭	嫩	鉤	色	捲	榜
Dầu	nón	bac	da	giáy	cây
有	情	羅	景	它	窮
Thứ	lính	lá	cảnh	da	cung
無	事	羅	儂	路	沛
Vô	sự	lá	t儂	lo	phái
件	龜	耆	英	春	合
Bản	cùi	ký	anh	xuân	hop
懸	明	派	派	弭	mặt
Lóng	míng	phái	phái	nhe	bang
					giảm

四
Eú
十
thập
六
lục

23 B.

固	權	時	固	貼	得	朱
Cô	quyền	thí	cô	cuả	người	cho
缺	本	之	油	和	坦	嘟
Máu	vốn	chí	dầu	hoa	tán	đò
塗	肉	曼	裴	蝶	坦	杜
Cang	thịt	màn	bí	ruồi	tán	đò
鉢	蒲	丸	釐	蜋	兜	躊
Bát	bồ	hòn	lai	kiến	lâu	bó
眾	趨	侯	下	誠	君	子
Người	đi	hầu	ha	nên	quân	tử
些	必	村	真	拱	丈	夫
Gá	ál	thôn	chan	cung	trưởng	phu

24 a

四	十	七	包
Cú	thập	thái	ba
蘚	時	默	捺
Khó	thời	mạc	nai
強	蘚	包	ba
Cang	khó	ba	anh
大	地	塔	豪
Dai	địa	tâi	hao
		南	跔
		nam	khoé

九	霄	它	北	辰	高	
Cửu	tiêu	dá	bắc	thán	cao	
柂	欺	潭	廬	捕	欺	冷
Lý	khi	dâm	linh	bí	khi	lanh
渚	昧	枯	首	固	昧	霧
Chò	thuở	kho	khan	có	thuở	daō
箕	𠂇	蘇	秦	春	昧	黠
Kia	neo	cô-	cân	xuân	thuở	tuisc
渚	扱	相	印	固	埃	嘲
Chia	deo	tương	ain	có	ai	chào

	四	十	八	
XU n° 2				Tümelt
路	界	市	路	林
Lo	lá	thị	lo	lâm
特	趣	長	勉	分
Đặc	thui	thi-	miễn	phan
俸	不	才	劍	件
Bổng	bù	tài	kiêm	ban
穀	無	事	界	仙
Gia	nô	sự	la-	tiên

248.

Vung

圖	書	淡	卷	如	似	貼
Đô	thu	mờ	quyện	nha	lâm	cua
風	月	南	湖	容	漫	船
Phong	nguyệt	nam	hồ	shách	nói	thuyền
油	恩	吱	嘴	油	哩	世
Dầu	nhanh	chê	khen	dù	mèng	the
机	牟	造	化	默	自	然
Cơ	mau	tạo	hoa	mạc	tu	nhiên

四	十	九	
Đứ	thập	ciử	
霸	得	薄	散
Giả	người	kho	tan
遺	氏	恒	世
Chí	ai	hang	gián
本	性	極	淡
Vốn	nhíh	chang	鉢
固	身	時	bạc
Cố	thân	thời	
茹	左	固	萬
Nhà	chỗng	có	vạn
		貼	諾
		nghi	nuôc
		tiêu	
		còn	

得	唉	娘	些	躰	官.
Nguội	hay	raing	ta	kho'	quan.
嘴	嘴	與	善	包	塔.
uang	ting	rui	lanh	bao	lap.
默	埃	哎	免	默	埃
Mac	ai	che	mienn	mac	dán.

五 十
Ngũ thập

Traduit

倘	莽	閒	遯	冊	免
Choảng	mảng	nhan	choi	sach	mienn
自然	貼	景	物	客	凡
Nhin	xem	canh	vật	khach	pham
拂	披	遍	抹	芹	竹.
Phál	pho	gio	lay	cân	truć.
咱	說	靄	律	剗	蘭.
Chinh	thol	muia	lob	cua	lan.
酬	祝	金	杯	味	買
Rieu	chuoc	kim	bôi	mui	mí
香	燒	石	鼎	媿	諸
Huong	thieu	thach	dinh	khoi	chia
					.tan.

25B.

勾	清	閒	讀	戈	時	腸
Câu	thanh	nhan	đọc	qua	ngay	thang.
拗	牽	帛	朱	俗	客	嘆
Khép	cua	nao	cho	tuc	khach	than.

	五	十	一	
	Ngũ	Thập	Nhất	
錦	持	山	林	悅
Ngam	nghi	sơn	lâm	mehr
帛	兜	罢	極	坦
Nao	dau	la	chẳng	Đường
最	貪	富	貴	Nghiêu
Nguei	tham	phu	qui	恒
些	特	清	閒	hang
Ea	duoc	thanh	nhan	trong
双	曰	唉	群	舍
Song	viel	hai	con	xa
室	家	極	渴	桺
Châi	gia	chẳng	hei	rang
勉	畀	洋	酒	quai
Mien	la	tiêu	bai	cân
			qua	lieu
			ngay	thang.

268.

祿	周	包	饒	妥	閑	饒,
Lộc	có	lao	nhiều	ǎn	báy	nhiều

		五	十	二		
		Ngũ	thập	nhi		
而	得	躉	蹠	瘡	搘	啼
Lâm	nguội	chen	choc	nhoc	dua	hái
極	恰	得	生	釐	咷	邈
Cháng	khác	nguội	sinh	?	giີ	chái
梭	日	月	退	捨	摔	
Chai	nhäl	nguyệt	dua	thon	thoik	
盈	繁	花	呵	竦	𦥑	朋?
Dam	phôn	hoa	kha	nhäl		
花	強	誇	安	花	械	焰.
Hoa	cang	khoc	no'	hoa	nén	燄nña
涪	翥	朱	涪	涪	凶	為.
Nuoé	chia	cho	dai	nivic	äk	voi.
買	惻	盈	虛	佗	固	數.
Möi	biël	danh	hu	ta-	co'	sö'.
埃及	tung	移	特	道	左,	
		di	tuic	tao	giöi	

Traduit

	五	十	三	
	Ngũ	thập	tam.	
而	得	辰	特	同
Lâm	nguội	thời	được	tú
痺	瘓	然	貼	nhiên
Dai	ròi	nhìn	xem	co'
誇	智	誇	才	phản
Khoe	tri'	khoe	tài	yên.
吱	愚	吱	痴	奴
Chí	ngu	chê	dại	油
快	當	轍	聰	伎
Yêu	duòng	truộc	tai	午.
坤	窖	吟	咄	nó'
Khòn	kheo	uay	mìng	ugò'.
油	覓	埃	嘆	賢.
Đu	thái	ai	than	maing.
字	娘	無	事	傳.
Chu	rang	vô	sự	時
			小	勒
			神	古.
			仙.	cò'.

五 十 四
Nam mươi lăm

涪	次	涪	漁	漁	隊	潮
Núi c	xuì	núi c	ngư ợc	núi	đội	chiều
船	客	遡	秋	格	沛	招
Chuyền	khách	chí	thu	gác	phái	chiam t cheo
般	托	加口	揚	睬	興	.
núi	thác	giáo	giang	thuở	hưng	.
船	因	遍	默	干	漂	.
Chuyền	nhân	gió	máu	còn	phiêu	.
披	披	頭	泊	翁	勾	鮀
Phô	phô	dầu	bắc	ông	câu	cá.
汀	汀	潤	撐	琨	相	貓
Leo	leo	dòng	xanh	con	mái	meo.
鷗	驚	窮	些	如	同	意.
Qu,	lô	cùng	ta	nhu	có	y.
冊	兜	時	拱	貼	趨	跣.
Sách	dau	thời	cung	cuả	ti	theo.

苦	自	五	十	五	根
Chóm	tự	Ngu	thập	ngũ	đzenie
		然	蕃	沒	.
		nhiên	lieu	một	cần.

Traduit

XU .6

袂	空	汰	汰	培	紅	塵
Quế	không	thay'	thay'	bui'	hồng	trán
卉	行	柑,	橘	猥	隊	霸
Ngân	hang	cam,	quả	con	đội	cụ
余	丁多	漁,	樵	瓢	伴	親
Ngay	duá	ngư,	tíu	bầu	ban	thân
覓	月	論	時	咲	脣	
Ghái	nguyệt	tròn	thí-	ke'	tháng	
𦨇	花	安	買	咍	春	
Nhin	hoa	mô'	mua	hay	xuân	

	五	十	六	
	Ngu'	thập	lục	
係	仇	而	官	固
He~	ke'	lám	quan	cô'
纏	蹠	默	貼	分
Eci	lai'	mạc	cuả	自
身	智	香	招	群
Chân	xua	huong	lia'	左
志	麌	功	danh	𠵼
Chi'	cu'	công	da'	𠵼

緣

duyên.

然

nhiên.

約

uoc.

願

nguyễn.

28B.

雞	鷄	鄙	𠙴	罪	福
Ere'	ma-	sang	ai'	la-	phúc.
穀	特	閑	辰	意	仙
Gia	duoc	nhan	thoi'	non	tiên.
朱	躡	朱	釐	油	主
Cho	ue-	cho	o'	du-	on
磅	跳	辰	蹠	盜	權
Ngai	buc	thoi'	chen	dam	cuâ
					guýen.

龜	辰	五	十	七	蠻
Puong	thi-	Ngu	thap	thai'	oung.
傑	𠂇	台	坎	坦	蒙
Chay	to'	hai	khom	dai'	mong.
時	固	些	穷	矯	易
Choi	có	ta	cung	keo	mai.
名	雖	求	得	誠	撫
Danh	tuy	cau	nguvi-	nem	yen
秋	熳	娘	諱	勦	long
Chu	em	rau	kho'	miem	vân
		牽	竹	紅	phu'.
		cuâ	truc	hong	

29 a

春	淨	塘	花	紫	錦	丰.
Xuân	tinh	đeūng	hoa	tú	cáñ	phong.
候	祀	貺	之	齋	設	客,
Hàu	lai	cua	chi	má	thié	khach.
沴	撞	薄	薄	買	銅	銅,
ao	cháng	phu	phu	mí	dóng	dóng.

	五	十	八			
	Ngu	thập	bát			
奉	窖	帛	埃	拯	固	芸.
Vung	kho	náo	ai	cháng	có	nghé.
蘿	巾	沛	累	坦	妻	兒.
Khó	khán	phái	luy	den	thê	nhi.
特	辰	親	戚	蹠	蹠	至.
Điếc	thoi	thán	thích	chen	chan	ten.
失	勢	鄉	閭	請	麵	趨.
Châi	the	heling	lu	thinh	mât	ti.
槿	固	腥	蚤	蛛	杜	坦.
Chil	có	tanh	tao	ruôi	do	ten.
嫗	空	蜜	膜	蜋	蹠	之.
Tang	không	mái	mo	kién	bo	ch.

Tranbit

XLI

29B.

世	玲	仍	重	得	夥	貼
Thế	nay	nhung	trong	nguvì	nhièu	cuā
娘	��	痴	空	埃	仇	為
Lang	nèu	tay	không	ai	kē	uī

五	十	九			
Ngù	thập	ciù			
星	本	私	拯	拙	兜
Giỏi	vốn	long	tu	chíng	daū
帛	埃	罪	拯	隊	頭
Não	ai	lát	cháng	đội	daū
笠	莉	洞	雲	煙	隔
Lóng	cuả	dòng	vân	yên	cách
特	慧	丹	日	月	輸
Giỏi	long	dan	nhà	nguyệt	thâu
鴟	覽	嫩	高	鴟	狃
Chim	tháy	non	cao	chim	đen
櫛	哈	秋	狃	櫛	強
Quai	hay	thu	đen	quai	cang
逊	南	进	年歲	身	有
Ngoài	nám	muối	tuổi	thán	taī

乙 彙 論 明 活 没 瓢.
qí dài lùn míng huó mò piáo.

六 十
Lục thập

輕	肥	𠂇	之	譯	閑	界.
Khinh	re'	lām	chi'	kho'	bāy	lá.
與	善	舍	黽	沒	躺	些.
Đưi, lanh	lành	xāi	bōī	mōl	mīnh	ta.
覺	身	油	屯	咍	修	福.
Giác	thân	dū	dā	hay	tu	phúc.
刷	髮	朱	械	沛	出	家.
Chè	phál	cho	nēn	phái	xuá̄l	giá.
油	惱	益	孫	添	益	招.
Đū	muôn	iēh	con	thêm	ich	chau.
諸	脩	餘	主	惱	事餘	咤.
Chó	quén	thô̄	chuā	mén	thô̄	cha.
𠂇	之	了	到	和	朱	辱.
Lâm	chi'	lāo	dǎo	hoā	cho	nhục.
求	釋	迦	帀	底	停	茹,
Câu	Chích	- Ca	não	de'	Bul	nhā.

鑄	鉤	吊	奚	本	固	分.
Váng	bac	náo	nha	vòn	có	phân
鋸	台	糝	餠	特	飯	妥.
Lanh	thay	còn	buā	dui̍c	no	ān.
冷	曙	冬	恒	恆	炽	,
Lanh	thuở	dōng	hāng	nhō	bép	.
煖	勝	領	矯	搭	禎	.
Nóng	mua	hé	kéo	tái	chan	.
恩	垂	群	固	閉	饑	女.
Ôn	giòi	còn	có	báy	nhiều	niă.
雯	遭	庄	停	仇	蘋	巾.
Che	chô'	châng	danh	kē	kho	khán.

蒸	艸	禍	福	必	得	咍.
Ching	trong	hoa	phúc	äl	nguô	hay.
哀	盛	恒	例	搭	树	台.
Suy	thinh	hāng	lî̄	tái	doī	thay.

韓	-	信	誠	功	時	哿	韜
Hán	-	Ein	nén	công	thời	khaí	mái
塞	-	翁	失	馬	可	珠	鬚
Sài	-	óng	thất	mã	khai	chau	may
蜺	-	托	黠	媿	裴	咷	.
Khiến	-	thái	bói	cang	lei	ngol	.
蛛	-	戈	為	鉢	釐	蟻	.
Ruồi	-	qua	ui	bát	tâng	cay	.
本	-	丕	分	𠂇	固	性	.
Või	-	guī	phân	đà	co'	tinh	.
蹠	-	時	咍	跔	翹	咍	懸
Chân	-	thái	hay	buvic	cánh	hay	bay

六	十	三	.
Lục	thập	tam	.
霸	鄙	得	至
Giảm	sang	nguội	đến
貧	賤	埃	仇
Bần	tiền	ai	trung
販	塊	廊	如
Cua	khối	lang	nha
			nên
			quí
			giá

31B.

32a

得	離	主	福	祀	𠂇	標
Nguội	liā	quē	phúc	laī	lām	tiêu.
餵	罷	買	惻	惠	咤	美.
Nuôi	eon	muā	bǖil	long	cha,	me.
亂	亂	辰	傷	戕	穿,	堯.
Nui	loan	thī-	thuong	dȫi	Chuân,	Nghieu.
返	攤	欺	弔	油	效	命.
Gǟp	gō~	khi	não	dū	sȫ	mệnh.
𠂇	之	嘟	咀	損	功	料.
Lam	chi	do	dán	tòn	cung	liêu.

六	十	四	仇	朝
Luc	thập	tūi	kē	giāu.
苦	快口	恩	固	饑
kho	nhō-	ón	cō'	hán.
𠂇	嘟	咀	缺	惠
Lam	do	dán	mål	nhau.
欣	些	舌	時	油
hon	ta	thiel	thoī	vay.
帝	低	踵	拯	丕.
Daī	thoäng	daī	chāng	至旦
		lūi		兜.
			dén	daī.

328.

戰	怒	諸	牢	謳	𠙴	𠂇	𠂇
Dai	nô	chua'	sao	âu	da~	dei~	dei~
坤	辰	說	髡	吏	怙	𠂇	𠂇
Khôn	thi-	thuyé	truôc'	lai'	lo	sau	sau
世	間	係	事	善	穷	與	與
Ehi'	giàn	hé~	su'	lanh	cung	du~	du~
油	覓	唉	嘆	唉	勒	頭	頭
Đu	thoái	ai'	than	hay	lac	tâu	tâu

XU 1.2.1

六	十	五		
	Lục	thập	ngũ	
而	得	咍	和	咍
Lâm	nguôi	hay	hoa	hay
諸	恠	咍	諸	恠
Chó	cay	râng	𠂇	cay
直	節	朱	朋	鉄
Eric	tiết	cho	朋	磚
趨	塘	吟	另	終
Di	duông	gâm	准	終
釐	世	哿	哿	哿
Đ	the'	khai	哿	khai'

堆	菰	埃	蚆	𠙴	之	埃.
Dai	co	ai	dē~	kém	chi	ai.
哩	得	似	蜜	味	强	亢.
Mieng	nguôi	tua	mật	mùi	càng	ngok.
道	聖	朋	絲	緜	唉	哉.,
Đao	Thánh	bé̄ng	to	mái	hay	dai.

	六	十	六	
	Lục	thập	lục	.
油	智	油	愚	生
Dầu	tri	đu	ngu	sinh
民	界	福	奇	沛
Đi	lá	phúc	ca	thi
飯	慧	廕	肱	男
No	long	ám	cal	nam
禱	搏,	南臥	霜	兒
Gói	vac,	nán	suong	nhi.
客	釐	壠	桃	先
Khách	z̄	nuin	đào	舜
得	扠	遣	恰	晉
Nguôi	deo	thoí	khác	Tuy
			thập	隋
			thập	大
			thập	余
			thập	uong.
			thập	皮
			thập	bi.

		六	十	七	
		Luc	thập	thất	
余	仇	英	雄	悟	𠙴
May	kē	anh	hung	ngȭ	dā
包	餽	塘	險	民	衝
Bao	nhiều	duông	hiểm	mô̄l	xông
亭	咍	鑄	覩	朱	得
Danh	thay	vâng	dō	cho	nguôī
易	已	錢	醇	卓	黠
Rē	biết	tiền	giáy	chaē	vaī
蜜	吮	蛻	色	蛻	漪
Mai	ngol	ruồi	vào	ruồī	tâm
餽	賚	鮀	至	鮀	樊
Mai	thom	caí	den̄	caí	phan̄
漢	家	三	傑	勦	巴
Han̄	gia	tam	kiết	trung	aīj
唉	極	咍	憲	唉	窖
Ui	chanḡ	hay	toan	ai	kheō
					toan̄

六 十 八
Luc thập bài.

免	固	身	霸	路	約	幻.
Miễn	cố	thân	giảu	lộ	uớc	ao.
倍	之	吱	劄	倍	曉	高.
Vội	chi	chê	thaij	vội	trông	cao.
得	君	子	怒	快	名	節.
Mđiết	quân	tử	nợ	yêu	danh	tiết.
鳴	鳳	凰	箕	惜	羽	毛.
Chim	phoenix	hoàng	kia	tiếc	vũ	mao.
吟	嘆	南五	舖	經	史	.
Ngâm	nguội	năm	pho	kinh	sử	.
習	情	巴	卷	畧	韜	.
Cáp	tanh	ba	quyen	luật	thao.	.
蠟	靄	停	飭	餘	春	煖.
Róng	thiêng	giành	súc	cho	xuân	noãn.
足	躡	番	之	𧈧	覓	靈.
Nhảy	nhôl	phiên	chi	éch	thay	dâm.

34 B.

六	十	九
Lục	thập	ciử
祉	劄	欺
Lai	daij	寒
欺	khi	hán
𠂇	daij	.

運	轉	它	奴	事	世	問
Vận	chuyển	đá	no	sự	thế	giān
鳴	極	小	人	君	子	餚
Néi	chẳng	tiểu	nhan	quán	tử	doi
係	空	君	子	小	人	乱
He	không	quán	tử	tiểu	nhan	loān
馭	駕	侯	下	誠	清	貴
Ngự	nhiều	hàu	ha	nên	thanh	gui
些	也	村	真	倚	賤	閒
Ca	il	thôn	chan	y	tiễn	nhan
守	道	孝	忠	界	貼	哿
Giữ	dao	hiếu	trung	lai	cua	khái
免	戈	時	腸	分	些	安
Miễn	qua	ngay	tháng	phân	ta	yen

35 a

七 十
Thập thảy.

貯	輪	辰	覩	墨	辰	顛
Gìn	don	thi-	do'	mực	thi-	den
糠	惻	惄	恩	暎	暎	烟
Sang	bíll	xho-	on	thuô	bong	den

安	安	勤	跣	凡	法	則
án	uāng	mīn̄	theo	nái	phép	tác
細	蹠	朱	惻	理	經	權
zǐ	lìu	zhū	ciè	rǐ	kinh	quyền
極	誠	默	世	得	善	與
Chéng	nén	máo	thế	nguôi	lành	du
距	呂	坤	埃及	遺	鉢	顛
Giao	gio	khôn	ai	thói	bæ	oten
袞	世	固	坤	時	固	蔀
Thé	thé	có	khôn	thói	có	kho
宁	娘	無	事	小	神	仙
Chu	raóng	nuô	sự	tiểu	thán	tien

358.

XLI, A19

	七	十	一	
	Chál	thập	nhàl	Traduct
夥	番	說	隣	云
Nhiêu	phen	thuyél	luóng	vân
須	念	開	防	仇
Eu	niem	quan	phóng	ke
槿	固	腥	蚤	𦥑
Chál	có	tanh	tao	ruwi
				rom
				miêng

𡇠	空	審	膜	覲	兜	身,
Cang	không	máh	mô̄	kién	dem	thân.
𦥑	憒	嚦	割	時	窈	𦥑.
Puôl	hen	neū	câī	thoī	dau	ruôl.
𦥑	躋	汝	𠂊	女	感	躋.
Chân	dap	nhō	não	nô̄	cám	chân.
庄	可	得	時	信	免	忌.
Châng	khái	nguôi	thoī	tin	mén	cay.
庄	親	時	本	義	鄉	鄰.
Châng	thân	thī	vôn	nghiā	huinggā	lân.

36 a

XUÂN 20

	七	十	二		
宁	𠂔	朱	𠂔	𠂔	能.
Giữ	miêng	cho	hay	biêng	nâng.
辰	蕙	歇	劄	矣	康.
Châi	long	hom	sóm	hay	khang
挣	坤	己	固	皮	hang.
Tranh	khôn	ál	có	bé	lo
勞	殘	𠂔	之	nói	laing.
Chiu	daī	lam	chi	thuyl	thang.
				hot	

嘴	聊	與	善	腮	嘗	垃.
Máng	lāng	ǖ	lành	tai'	quán	lái.
覽	啦	欣	舌	麵	平	庄.
lǎn	nhá̄i	hìn	thiêt	mặt	bình	chàng.
窓	軒	吽	刺	鞋	貼	冊.
Song	hiên	ugo'	cua'	ngói	xem	sách.
自	在	鼎	戈	利	𠂇	平.
zì	tai'	ngáy	qua	lì	ke'	baing.

35B.

	七	十	三		
	Chál	thập	tam		Third part
笞	自	然	沒	丐	蔡.
Chóm	tự	nhiên	mòi	cái	lèu.
戈	日	膾	路	罟	穀.
Qua	ugáy	tháng	lo.	lái	nhiều.
邇	捲	簾	抬	甯	挾.
Gió	quán	rem	thay	chó'i	quík.
腋	棋	刺	矯	烟	撩.
Giăng	ké	cua'	leo	dén	treo.
餌	唼	極	嘗	萋	窮
Cóm	ain	cháng	quán	rau.	cung
					nuôi.

條 賈 此 唉 没 條 賈.
 Diều haju ta hay mốt diều haju.

	七	十	四			
	Chál	thập	túi	badut		
錢	財	界	數	流		
tiền	tai	lai	số	lưu	thông	
扱	捺	𠙴	之	朱	瘳	
cáp	nép	lâm	chi	cho	nhọc	long
貼	石	崇	弔	貼	氏	
cuả	thach	Sùng	náo	cuả	aý	
名	巢	父	剴可	名	空	
Danh	Sao	phu	hái	danh	khóng	
義	涓	可	渚	惠	楊	
Nghia	quén	kha	chua	long	Dwing	thi
涅	茹	恒	辰	胞	沛	公
Nel	bac	hang	thoi	gia ^{da}	Bái	công
哩	底	名	傳	界	事	益
Moeng	de	danh	truyen	la	su	ich
群	時	閑	事	aý	nhe	空
Cori	thoi	muon	su		khóng	

37a.

XLI, trang 22

čap

37B.

		七	十	五		
		Châl	thâp	ngû̄		
貼	終	本	貼	終	至	坦
Cua'	chung	võn	cua'	chung	giõi	dõi
机	年	買	惕	娘	實	.
Co	máu	mõi	bíl	rang	thuc	.
鉢	鑽	畀	貝古	諸	消	用
Bac	vâng	lai	cua'	chô'	tieu	dung
城	市	本	印	停	伶	達
Chanh	thi	võn	in	dung	lanh	dah
南五	帝	賢	讓	績	唉	高
Nam	de'	hién	nhuâng	tieh	hay	cao
巴	王	猢	縕	謀	樣	日
Ba	ruïng	con	nói	muu	dwing	nhail
停	哈	閑	事	貼	調	終
Danh	hay	muôn	su'	cua'	diêu	chung
旗	郅	狃	埃	埃	買	拂
Co	dén	tay	ai'	ai'	mõi	phail

七 十 六
Châl thâp lue.

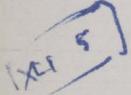
Traduit

盞	功	名	舍	扱	𣴓
Tríng	cong	danh	xa'	cáp	tay.
夥	番	𠵼	塊	嘴	災
Nhiêu	phen	da~	khối	tiếng	bay.
花	梅	泊	為	腋	𠵼.
Hoa	mai	bac	u-	giang	to'
𦵹	竹	疎	黜	遜	揅.
Bóng	trúc	thưa	恚	gio	lay.
憂	愛	拯	情	念	覩.
Uy	ai	châng	quên	ném	truic.
是	非	炳	呐	事	吟.
Chí	phi	biêng	nói	sui	nay.
色	曾	疎	山	河	渴.
Đá~	tung	trái	sòn	ha-	hel.
塘	世	夥	圮	險	旭
Điêng	thé	nhiêu	nói	hiem	台.
				hoc	thay.

七
Thất
Thập
Thập l

世
Thế
間
gian
變
bién
改
cải
湊
vuiing
誠
nén
沫
giỏi

Trudelt



饗	瀨	沫	𦥑	𠙴	𠂇	𠂔	𧆸
Mǎn	nhal.	chua	cay	dém	ngel	hui	.
群	鉤	群	錢	群	弟	子	.
Côn	bac	côn	tiễn	côn	tui	đe	.
觸	粗	觸	醃	觸	翁	醉	.
Thé	còn	hé	ruou	hé	ong	tai	.
智	吟	調	重	得	真	寔	.
Xua	nay	diêu	trong	nguoc	chan	thuc	.
埃及	乃	吊	懶	讥	待	盃	.
Oí	naj	não	ua	ke	dai	buoi	.
於	世	買	咍	得	蛸	惡	.
阝	the'	mói	hay	nguoi	bae	ac	.
霸	辰	尋	狃	諱	尋	蹠	.
Giau	thi-	tim	lén	kho	tim	lu	.

七 十 八
Châi theyp hâi.

Traduit

釐	世	停	爭	侍	大	夫
𠂔	the'	during	tranh	dâng	truong	phu.
𠂔	之	朱	固	事	唯	歌
Lâm	chi	cho	cô	sú	doe	co.

低	恥	低	坤	低	拯	惄.
Dây	cây	dây	khn	dây	châng	nhin.
帝	娘	帝	沛	帝	空	輸.
Dây	râng	dây	phâi	dây	phông	thua.
鷗	怒	鷗	群	都	至	畔.
Ac	no	má	côn	dua	den	bang.
鯁連	箕	侯	易	劍	之	鷺.
Liún	chia	hâu	rē	kém	chi	cō.
字	娘	人	以	和	為	貴.
Chū	râng	nhân	dī	hoā	ui	gui.
無	事	辰	欣	矯	沛	忼,
Vô	sue	thī	hon	keō	phaī	lo.

七	十	九	
Châl	thap̄	cium	
沒	錙	沒	芥
Mol	maī	mol	cain
疎	矧	油	吊
Cho	thoin	dū	趣
些	瘦	些	吊.
Ea	daī	ta	naō.
		尋	尾.
		泥	uē.

得	坤	得	鉅	淮	唠	兜.
Nguội	khôn	nguội	dén	chôn	lao	xao.
秋	安	芒	竹	冬	安	稼.
Chu	án	máng	trúc	dòng	án	giá.
春	浸	湖	蓮	夏	浸	洽.
Xuân	tám	hồ	sen	ha	tám	ao.
醜	鉅	檜	櫟	些	仕	汪.
Ruồi	dén	cối	cây	ta	se	wing.
然	貼	富	貴	似	占	包.
Nhìn	dem	phù	quí	tua	chiêm	bao.

八 十
Bát thập.

茂	尼	仁	義	似	鑄	逃.
Đài	này	nhân	nghia	tua	vang	muối.
固	貼	辰	欣	鶴	每	啞.
Cố	cuối	thi	hân	hè	mọi	nhói.
號	鉅	手	空	弔	兑	嗨.
Biếc	dén	tay	không	não	doái	hái.
數	包	捷	砾	吏	恤	啡.
Sau	vào	ganh	nặng	lai	vui	cuối.

英	英	住	住	棚	虚	嗨.
Anh	anh.	chí	chí	mêng	hô	hái.
醜	醜	萋	萋	設	左	哉.
Ruồi	ruồi, rau	rau	rau	thiết	ta'	tai.
𠂇	貼古	褪	疔	些	此	找.
Nguội	cua'	lai'	cán	ta	thi'	nháé.
買	咍	哏	貼	碟	欣	得.
Mãi	hay	rāng	cua'	nàng	hìn	nguivi'.

八 十 一
Bát thập nhất.

係	仇	撩	得	仇	沛	咗.
Hē	ke'	kiêu	nguôi	ke'	phai'	lo.
拯	朋	無	事	旣	鳴	嗚.
Cháng	bāng	uō	sự	ngày	o	o.
痴	箕	害	捨	群	坤	闢.
Eay	kia	kho	nám	côn	khôn	mô'.
𠂇	怒	咍	嗔	固	𠂇	呼.
Mãi	no	hay	cuivé	có	lúé	ho.
固	睞	特	時	貓	樹	犹.
Có	thuô'	duôc	thoi'	meo	tuôi	chuôl.

408.

Traduit

鉢	欺	失	勢	蜆	牠	捕
Đèn	khi	thá̄l	thē	kién	tha	bô̄.
特	輸	虧	買	安	難	吏
Đặc	thua	sau	móī	án	nán	laī.
無	事	庄	誠	固	事	呴
Vô	sự	cháng	nén	có	sự	dū.

	八	十	二	
	Bál	thập	nhī.	
渚	每	𠂊	渚	羨
Chò	mỗi	duōng	chó̄	mỗi
𠂊	得	唉	道	常
Lâm	người	haī	đạo	thường
楔	箕	沫	數	擁
Khé̄	kia	chuā	sau	nên
蘭	怒	贊	買	香
Lan	no	thóm	maī	hiuong
𡇗	𠂊	倚	噴	古
Qín	il	cā	hin	thiël
坤	辰	得	痺	傷
Khôn	thí̄	người	daī	nguïê
				thường

恩	保	包	饒	馴	釐	世.
Nhân	bảo	bao	nhiều	nguội	z'	thế.
極	坤	停	與	豬	央	央.
Chẳng	khôn	đêng	rẽ	giò	wóng	wóng.

八 十 三

Bát Thập Tam

traduit

耶	合	時	得	到	賜	揚
Chó	hop	thời	nguội	dến	giò	giaying.
快	麝	為	固	味	香	
Yêu	xa	vé	cô	mùi	huong.	
於	吭	時	欣	喜	饥	重.
Ua	ugol	thuì	hìn,	nhiều	ke?	trong.
遇	沫	墨	擁	固	挨	怨.
Quái	hua	ra	uìng,	cô	ai	mang.
於	固	德	善	欣	於	與.
Z'	cô	dué	lành	hìn	z'	dui.
快	饒	極	缶	沒	道	常.
Yêu	nhan	chẳng	da~	mò	dao	thuong.
			八	十		
			Bát	Thập		

41B.

XU hán 30

42a

群	沒	片	惠	付	准	肢.
Côn	mò	tān	long	phó	chón	giang.
和	罷	清	𠵼	𠵼	吊	庄.
Hoa	la	thanh	to'	il	náo	chango.
炳	穠	諸	𤧒	味	金	石.
Nǎi	mung	chia	chin	mui	kim	thach.
吸	吸	吊	衝	幅	劄	勝.
Guǐ	găp	não	xiong	buc	diem	dang.
極	惻	固	梅	盈	瘦	嶺.
Cháng	biết	có	mai	giành	Đuဉ်	linh.
咍	咍	沒	竹	壠	江	陵.
Hay	lá	mò	trúc	bãi	Giang-	läng.
濬	之	易	改	川	金	易.
Chú	chi	dich	caí	xuyễn	kim	re~.
女	底	朱	埃	事	不	平.
No~	de~	cho	ai	sự	bail	binh.

	八	十	五	.
	Bát	thập	ngũ	.
得	巴	哿	貼	懶.
Nguôi	ba	dâng	tuoi	ba
				loai.

42B.

坤	惻	朝	埃	餽	福	派
Khôn	bíēl	chiêu	ai	nōi	thâīm	phaī
席	玉	群	悰	眾	貴	價
Điêc	ngoc	côn	chô̄	nguô̄i	quí	giā
盤	輪	唉	特	客	高	才
Bân	son	haī	dēī	khách	cao	taī
勦	姦	女	底	插	𠂇	捽
Guóm	giòī	nô̄	dè̄	tay	phâm	tuôl̄
鉢	月	之	朱	丁	毒	銚
Buá	nguyêt	chí	cho	đuá	đoc̄	máī
恩	嚴	烈	雷	深	瀘	.
𠂇	nghiêm	lịēl	saī	thâm	thâm̄	.
鑷	逝	躋	價	路	捺	埃
Huāng	muî̄i	điêng	giá	lo	gio	aī

八	十	六	分
Bál	thâp	luc	.
丕	生	墨	懶
Guï̄i	sinh	ra	giành
湏	唉	朱	仁
Eu	haī	cho	nhân
		賢	.
		hiêñ	.
		giā	.
		có	.

48a

驛	驛	怨	身	買	弭
Khó	chó'	oán	thân	mái	nhe.
朝	虧	快	眾	強	貳
Guān	mà	yèu	chóng	cáng	gān.
暴	兇	今	𠂔	鎗	碣
Bào	nhưng	chin'	đá	quảm	埋
福	德	停	咍	𩫑	澹
Phúc	duc	giành	hay	co'	duàn
繩	固	害	人	虧	益
Chó'	có'	hai	nhân	mái	iéh
酒	得	坤	𢙈	特	神
Giáu	ngawi	khôn	quâi	dui'e	thân
					linh. ^{1.}

八	十	七	哿	消
Bát	thập	thất	khaí	tieu.
窖	劍	双	吏	时
Kho	kiếm	song	lai	nhiều.
朱	誠	貼	義	老
Cho	nén	cua'	il	thi-
義	翹	為	bòi	容
Nghia	nhiêu	ví	hay	dung
				待.

3B.

貼	巴	因	之	丙	攢	抬
Cuāi	il	nhan̄	chi	biēng	chail	chiū.
本	性	拯	涓	曾	冉	日.
Või	tinh	chanḡ	quen	tunḡ	nhiem̄	nhaīl
持	躬	色	使	事	真	超.
Nghī	minh̄	tā	traī	sū	sân	siū.
舉	務	調	享	天	然	祿
Bôn̄	muā	diēū	huânḡ	thien̄	nhiêñ	loc̄.
從	且	嵬	遯	墮	舛	兌.
Chonḡ	thā	ngôī	choī	cuī	Chuân̄,	Nghiêñ.

八	十	八	時
Bâl	thâp	bâl	thī.
呐	誠	吏	娘
Noī	nêñ	duênḡ	rânḡ
即	重	朝	拯
Sanḡ	tronḡ	giâū	chânḡ
趾	結	花	至
Nhī	kel̄	hoa	旦
膜	裴	蜜	杜
Mô̄	buī	maī	ot̄.
		ngot̄	tī.
		hiêñ	
		nào	

青	蚕	貼	固	青	蚕	閉
Chanh	tao	cua'	co'	thanh	tao	may.
剗	噃	舖	空	剗	噃	之
Nao	nuoc	tay	khong	nao	nuoc	chi.
默	協	默	轍	欺	返	懥
Mac	rui	mac	may	khi	gai	dip.
嘴	之	吱	丙	怙	鷹	之
Khen	chi	che	beeng	ghiep	ma	chi.

	八	十	九	
	Bát	thập	cuối	
納	躺	遇	准	嘆
Nep	minh	qua	chon	xin
余	事	邊	遴	退
May	su	ben	gio	高
剗	竹	撫	嗔	曲
Cua'	truoc	vo~	curi	隙
軒	梅	吻	喝	曉
Hien	mai	vai	hal	教
忬	離	竚	時	油
Lo	ly	丕	thoi	丕
		vay	du	vay.

扬	永	忼	包	詫	嘗	包.
Vâl	vūng	mâng	bao	xâi	quân	baô.
拯	曷	忠	勤	台二	字	氏.
Châng	hêl	trung	cân	hai	chui	aī.
如	欣	坦	轤	悵	至	高.
Nhô	ôn	dâi	rông	cay	giūi	cao.

九 十
Cửu thập.

霸	默	分	諱	兜	皮	.
Giâu	máe	phân	kho'	dâu	bī.	
度	清	閑	奇	一	而二	.
Đô	thanh	nhan	khaí	nhâi	nhī.	
嘒	噭	勾	疎	屢	奕	.
Véu	váo	câu	tho	ciū	rich.	
唏	呵	噦	罔留	喚	咷	.
Hé	ha	chen	niêu	hang	se.	
𦥑	清	躋	沫	畀	相	訛.
Giồng	thanh	gio'	mál	lái	tuong	thuc.
溶	碧	巒	擗	𠂇	故	知.
Nuôc	biēe	non	xanh	aī'	cō'	thu.

事	世	唯	喉	油	事	世
Sự	thé'	dài	co	dầu	sự	thế'.
擒	空	汰	汰	拯	今	之,
Giữ	không	thay	thay'	chống	hè	chi'.

	九	十	一			
	Cửu	thập	một			
洋	洒	自	然	必	弭	躬
xiêu	sai	tự	nhiên	để	nhé	mình.
捺	包	權	奇	盈	功	名.
Nai	bao	quyền	ca'	áng	công	danh.
無	心	約	固	羣	燭	泊.
vô	tâm	uôc	cô'	giảng	sai	bao.
得	趣	庫	浩	瀦	沫	清.
Đắc	thú'	kho	dày	giò'	máy	thanh.
杪	油	惄	机	造	化	.
Ere'	dầu	bí	cơ	tạo	hoa'	.
靴	路	服	縛	長	生,	
Gia	lộ	phục	thuộc	tráng	sinh.	

九	十	二
Cửu	thập	nhi'.

霸	諱	停	咍	今	分	駒
Giāu, khó	danh	hay	chī	phân	mình	.
余	塘	葵	格	炳	惄	爭.
May	duāng	gai	goc	biēng	dua	tranh.
糲	妥	拯	管	味	奢	泊.
Còn	ǎn	chāng	guǎn	mùi	xa, bắc.	.
禊	默	怗	之	片心	積	令善.
Qó	má	nè	chi	tâm	rach,	lành
蹠	禡	蒙	麌	得	隱	逸
Dap	gòi	mong	nhiêu	nguội	ān	dài
絆	懸	吏	想	巒	功	名.
Bán	long	lai	tưởng	áng	công	danh.
朱	穀	黻	那	艸	蓀	賤.
Cho	nèn	nǎi	nái	trong	lǚ	tiền.
因	沫	𠙴	貼	睞	太	平.
Nhân	mál	ngòi	xem	thuở	thái	bình.

九	十	三
Chín	thập	tam.
買	富	貴
Mái	phù	guì
黽	黜	黜
thí	chù	chù
時	運	.
thời	vận	.

Tranxit

46B.

須	念	昂	藏	趣	養	身
Eu	mément	ngang	tang	thúi	duising	thân
興	意	凹	吟	勾	國	語
Hsing	yí	míng	ngâm	câu	quốc	ngữ
解	煩	痴	祝	噉	琼	春
Giai	phiền	tay	chuộc	chén	quýnh	xuân
塘	花	嘲	客	楣	睭	楣
Duong	hoa	cháo	khách	mái	nhin	mái
許	杏	退	得	蹠	磅	蹠
Ngō	hạnh	tuì	nguội	chân	ngai	chan
喟	固	埃	嘆	時	仕	𠵼
Daū	có	ài	than	thí	sē	nhú
太	平	天	子	太	平	民
Chai	bình	thiên	tử	thái	bình	dân

九 十 四.

道	德	賢	台	勉	驥	中.
Đạo	duc	hiến	thay	miễn	khó	khán
權	門	准	収	丙	村	蹠.
Quyền	môn	chinh	ai	biêng	thon	chan

47a

醜	風	月	茶	巴	戰.
Riêu	phong	nguyệt	chè	ba	chin.
趣	清	閑	藜	沒	垠.
Chui	thanh	nhan	lêu	mò	cần.
袂	剗	儒	惟	容	至.
Quiel	cua	nho	chó	khách	lein.
榦	棲	德	底	琨	𠂇.
Guông	cây	duc	de	con	ain.
特	輸	富	貴	油	天
Đipec	thua	phu	qui	du	mệnh.
贊	覩	𠂇	之	朱	痔
Chen	lám	lam	chi	cho	nhàn.

	九	十	五	
	Cửu	thập	ngũ	
強	剗	棚	翫	𢙥
Tuông	dén	mìng	nhiều	mò
轂	辰	拯	固	𠂇
Nhiêu	thi	cháng	có	không
獮, 猝	唉	特	蓮	通.
Thiệu, nai	hay	duoc	lên	thing.
			rung	bắc.

478.

鯢	魚	群	條	帶	波	東
Du	nuôc	còn	chó	dài	bé	dòng
南	-策	醜	濃	群	漫	骨
Nam	- sách	nhiu	nóng	còn	mản	cốt
西	真	橘	兀	買	拏	菴
Tây	chan	quả	ngol	mài	tâm	bông
極	蒙	立	待	双	群	問
Chẳng	mong	rải	đợi	song	còn	muôn
丕	剗	帽	餽	沒	麵	空
Vãi	deri	măng	nhan	một	mặt	không

九	十	六	.			
Chín	thập	lục	.			
字	為	畀	𠵼	能		
Chữ	vi	lai	biết	nói	năng	
罰	娘	極	惻	誠	庄	
Phạt	raing	chẳng	bíll	sự	nén	chẳng
者	婆	吏	惜	味	羹	𠵼
Gia	rau	lai	tiếc	mùi	canh	ngol
唸	蠶	群	探	固	種	粧
Ném	éch	còn	thám	có	giống	mang

48a

擗	楣	群	除	弋	虧	𠵼
Yuē	mái	cún	chú	yuè	mui	nó.
猝	縛	吏	惄	動	棟	庄
Rù	giây	lì	né	dòng	rung	chàng.
油	埃	護	論	調	禧	與
Dầu	ai	nghì	luán	tiáo	lanh	du.
字	為	罪	為	炳	炳	能
Chữ	wéi	zui	wéi	bǐng	bǐng	nóng.

九
Cửu
十
Thập
七
Thập

默	吱	吼	默	快	當	鑄
Mát	chē	re	mát	yêu	đương.	nhụng.
無	事	辰	欣	女	王	鑄
Không	sự	thìn	hân	mẫu	ngọc,	vàng.
秋	月	翬	燭	通	紫	府
Chu	nguyệt	sáng	sao	thông	tím	phủ.
春	花	櫻	安	熒	風	光
Xuân	hoa	dua	nô	rò	phong	quang.
曲	文	詩	讀	熒	堯	舜
Thúc	văn	thơ	đọc	dài	Nghiêm,	Thúc

48B.

福	太	平	如	主	禹	湯
Phúc	thái'	bình	nhō	chúa	Yǔ,	Chang.
些	亾	清	閑	得	富	貴
Sá	đá̄	thanh	nhan̄	nguôī	phú	guī.
易	皿	埃	固	特	台	塘
Đē	bát̄	aī	có̄	triệū	haī	tườnḡ.

	九	十	八			
	Cửu	thập	bát̄.			
霸	𠂇	姪	諱	𠂇	姽	
Giāu	lâm	chī	khō	lâm	em.	
霸	籀	矯	矜	諱	籀	嫌
Giāu	chó̄	kiêu	càng	khó̄	chó̄	hiêm̄.
帶下	惻	欹	蓮	達	惻	帶
Dàī	biết̄	kinh̄	trên	trên	dàī	dàī.
汉	茹	辟	盛	福	辟	添
Đị̄	nhā	còn	thịnh	phúc	còn	thêm.

九 十 九
Cửu thập cửu.

默	埃	娘	智	默	埃	才.
Mac	ai'	rang	tui'	mac	ai'	tai'.
宜正	桶	龟	咍	凍	糾	耗.
Ngay	mol	da'	hay	dong	cu'	khoai.
猶	隊	威	猞	麅	喧	眾.
Cao	doi	uy	hum	ma'	nal	chung.
蜘蛛	狼	厔	驥	隗	誇	得.
Ruoi	nuong	duoi	ky	luong	khoe	nguoi.
人	推	朱	惻	除	罢	芸.
Nhan	suy	cho	biec	cho'	bai'	nghe.
巴	鉢	浩	尼	拱	若	鴻.
Ba	bal	dai'	nay	cung	lic	vui.

一 百.

Nhat baich.

極	坤	極	瘦	隗	央
Chang	khon	chang	dai'	luong	uong
惻	沒	康	康	守	道
Biec	mol	khang	khang	giu'	tao
鑄	鉤	餉	馯	誠	眾.
Vang	bac	no	nguoi	nem	chung

襖	粗	劍	伴	固	埃	怪.
áo ,	côm	kém	bán	có	ái	māng .
清	閒	些	免	安	隊	分.
Chanh	nhân	ta	miễn	yên	dài	phân .
默	仇	坤	頑	仇	担	當.
Máć	ke'	khôn	ngوان	ke'	dám	dang .

完.

